

3. XÃ TÂN TIẾN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	940
2	Xã Tân Tiến	Cách bên tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cả Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lòng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cả Học)	1.150
3	Xã Tân Tiến	Cống Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m	430
4	Xã Tân Tiến	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	220
5	Xã Tân Tiến	Đất các dãy tiếp giáp nhà lòng		1.580
6	Xã Tân Tiến	Móng cầu ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp áp Thuận Thành)	1.220
7	Xã Tân Tiến	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cả Học)	290
8	Xã Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng : 500m (Nước Trong và Đồn biên phòng)	220
9	Xã Tân Tiến	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	430
10	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m (Phía Ủy ban nhân dân xã)	720
11	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tắc Cây Bần (Đối diện Ủy ban nhân dân xã)	430
12	Xã Tân Tiến	Ngã ba Đầu Trâu	Về các hướng: 200m	220
13	Xã Tân Tiến	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	200
14	Xã Tân Tiến	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	720
16	Xã Tân Tiến	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	620
17	Xã Tân Tiến	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	430
18	Xã Tân Tiến	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cả Học)	Cả Học	290
19	Xã Tân Tiến	Ngã Ba Đường Tránh	Ngã Ba Trung Tâm Văn Hóa Xã	720
20	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đàm	Nhà ông Trần Mậu	1.680
21	Xã Nguyễn Huân	Nhà ông Trần Mậu	Ngã ba Vàm Đàm (Phía mé sông)	860
22	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đàm	Ngã ba Vàm Đàm (Phía trên lộ)	1.500
23	Xã Nguyễn Huân	Bến tàu Vàm Đàm	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)	710
24	Xã Nguyễn Huân	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)	860
25	Xã Nguyễn Huân	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II	430
26	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Vàm Đàm	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)	580
27	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Vàm Đàm	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)	940
28	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba kênh Ba Hồng	Về các hướng: 200m	350
29	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Bảy Căn	Về các hướng: 200m	290

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Xã Nguyễn Huân	Cụm dân cư làng cá Hố Gù		290
31	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp xã Tân Tiến	Bén phà Cả Bẹ	300
32	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Đầm (tính 2 bên)	720
33	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Dương Văn Chiểu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	720
34	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lượng (giáp đường số 2)	Qua khối lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1.440
35	Đường số 1	Nhà ông Lý Văn Vũ (Giáp đường số 3, đối diện nhà lồng)	Nhà ông Huỳnh Văn Xê (Giáp đường 3/2)	1.680
36	Đường số 2	Nhà ông Trần Văn Bé	Nhà bà Tạ Kim Sa (2 bên đường)	1.200
37	Đường số 3	Nhà bà Võ Hồng Mỹ	Nhà ông Huỳnh Văn Hoài (đầy nhà phía Bắc)	1.200
38	Đường số 4	Nhà ông Huỳnh Văn Hoài	Nhà ông Trần Chấn Quý (2 bên đường)	1.200
39	Đường số 5	Nhà ông Võ Hoàng Nhu (Giáp đường số 3)	Nhà ông Nguyễn Chí Linh, giáp đường 3/2 (hai bên đường).	1.320
40	Đường số 6	Nhà ông Vương Quốc Nam (Giáp đường số 3, đối diện nhà lồng)	Nhà ông Đoàn Văn Kiều (giáp đường 3/2).	1.680
41	Đường cấp VI đồng bằng	Đường 3/2	Hết ranh Nhà văn hóa xã	1.200
42	Đường cấp VI đồng bằng	Hết ranh Nhà văn hóa xã	Hết ranh Trạm Y Tế	840
43	Đường cấp VI đồng bằng	Hết ranh Trạm Y Tế	Bén Phà Cả Bẹ	600
44	Đường số 7	Nhà ông Vương Quốc Định	Nhà ông Lê Thanh Khởi	1.200
45	Xã Nguyễn Huân	Cầu Ông Mai	Hết ranh đất ông Trần Văn Minh	360

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			220
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			250
48	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			350
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		180